

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 03/7/2020

V/v Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Khởi.

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 03/7/2020 tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 132/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2020 về việc “Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 19/6/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trịnh Thành N**, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Số X, ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm 1999 (có mặt).

Địa chỉ: Số Y, ấp A, TT. A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. *Người làm chứng:* Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số Y, ấp A, TT. A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2020, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trịnh Thành N trình bày: Vào năm 2017, ông N và bà N kết hôn trên tinh thần tự

nguyên, Giấy Chứng nhận kết hôn do UBND xã A cấp ngày 16/6/2017. Quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung là Trịnh Thị Tường V, sinh ngày 08/02/2017, hiện sống với bà N. Do vợ chồng không cùng quan điểm nên sống chung thường xuyên cãi nhau, bà N thường xuyên bỏ nhà đi. Nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc, hôn nhân không thể tồn tại, nay ông N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim N. Về con chung: Ông N yêu cầu nuôi con chung là Trịnh Thị Tường V đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày: Mâu thuẫn gia đình bà không còn cơ hội để hàn gắn nên bà N thống nhất ly hôn. Về con chung, bà N yêu cầu nuôi con chung. Bà N cho rằng hiện nay bà đi làm Công ty tại TP. Hồ Chí Minh, lương khoảng 10.000.000 đồng/tháng, bà cũng có học nghề làm tóc được 02 năm. Cháu V đã sống chung với bà từ khi vợ chồng ly thân, đến nay đã được 06 tháng. Hiện tại, bà N và cháu V sống chung với cô U của bà tại TP. Hồ Chí Minh. Cô U của bà có nhà và giúp lo cho cháu V khi bà đi làm Công ty.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn: Không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về nội dung giải quyết vụ án: Về hôn nhân, ông N và bà N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm nên phát sinh nhiều mâu thuẫn nên quan hệ vợ chồng giữa các đương sự không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn và bị đơn cũng thống nhất ly hôn. Về con chung: cháu V hiện trên 03 tuổi và đang sống ổn định với bà N nên cần tiếp tục đảm bảo cuộc sống ổn định cũng như quyền lợi về mọi mặt cho cháu khi giải quyết ly hôn. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, bà N không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, giao cháu V cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa người làm chứng ông Nguyễn Văn S vắng mặt nhưng đã cung cấp lời khai cho Tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Thành N và bà Nguyễn Thị Kim N chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông N và bà N phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, ông N và bà N sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng không có biện pháp hàn gắn, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Nay ông N và bà N đã thống nhất ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N.

[2.2] Về con chung: Ông N và bà N có 01 con chung tên Trịnh Thị Tường V, sinh ngày 08/02/2017, hiện sống với bà N đã 06 tháng nay. Hiện nay bà N đã đi làm ở TP. Hồ Chí Minh và khi đi, bà N đã đem cháu V cùng đi. Bà N có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Bà N cho rằng thu nhập của bà khoảng 10.000.000 đồng/tháng là đủ điều kiện để nuôi cháu V. Hơn nữa, bà có người thân là cô U có nhà tại T. Hồ Chí Minh. Cô U là người giúp bà chăm sóc cháu V khi bà đi làm Công ty.

Phía ông N cũng có yêu cầu nuôi con chung. Ông N cho rằng gia đình bà N hiện rất khó khăn nên không có điều kiện hỗ trợ bà N nuôi cháu V. Trong khi gia đình ông có đầy đủ điều kiện. Ông làm nghề hớt tóc, có tiệm riêng, thu nhập ổn định khoảng 14.000.000 đồng/tháng.

Hội đồng xét xử thấy rằng, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con là trách nhiệm và nghĩa vụ của cha mẹ. Và cả cha và mẹ đều có quyền như nhau. Cháu V là cháu gái, chỉ mới hơn 03 tuổi và đang sống với mẹ nên cần ổn định môi trường sống của cháu được gần gũi mẹ. Nếu sau này ông N chứng minh được việc bà N không đủ điều kiện để nuôi con thì có thể khởi kiện thành một vụ kiện khác về thay đổi người nuôi con.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần xem xét giao con theo hướng ổn định môi trường sống cho cháu V.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 229; Điều 271, 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Thành N. Về quan hệ hôn nhân, ông Trịnh Thành N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim N.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Thành N về yêu cầu nuôi con chung. Giao cháu Trịnh Thị Tường V, sinh ngày 08/02/2017 cho bà Nguyễn Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Ông N được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, ông Trịnh Thành N phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002758 ngày 16/4/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa